UBND XÃ ĐĂK RVE **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1235/CV-PKT V/v cho ý kiến, tham mưu phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với Ngày Văn hóa Việt Nam năm 2026 tại điểm thôn Kon Gô và Đoàn tham gia tập luyện, biểu diễn văn hóa, văn nghệ tại phường Kon Tum	*Đăk Rve, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Rve.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 và các Luật sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2026/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hóa, dịch vụ;… từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách xã năm 2026 trên địa bàn xã Đăk Rve;

Căn cứ Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 23/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã về tổ chức các hoạt động "Ngày Văn hóa Việt Nam" gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2026 trên địa bàn xã; Công văn số 4985/SVHTTDL-QLVH ngày 05/11/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công văn số 3119/UBND-VHXH ngày 06/11/2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập đoàn tham gia tập luyện, biểu diễn các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại Tuần Văn hóa - Đại đoàn kết toàn dân tộc tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch liên tịch số 01/KHLN-MTTQ-UBND ngày 09/11/2026 của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và Ủy ban nhân dân xã;

Xét Tờ trình số 482/TTr-VHXH ngày 11/11/2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội; Biên bản họp số 01/BB-VHXH-TTCUDVCI ngày 10/11/2026 giữa Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã và các Phụ lục I, II kèm theo,

Qua rà soát hồ sơ, Phòng Kinh tế xã có ý kiến như sau:

I. TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

Phòng Văn hóa - Xã hội (đơn vị đề xuất) và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã (đơn vị được đề nghị giao thực hiện) thống nhất đề nghị phê duyệt kinh phí cho 02 nhiệm vụ, tổng cộng **126.780.000 đồng** (*Một trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), gồm:

(1) Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với Ngày Văn hóa Việt Nam năm 2026 tại điểm thôn Kon Gô, xã Đăk Rve: **59.480.000 đồng** (Phụ lục I).

(2) Đoàn tham gia tập luyện, biểu diễn các hoạt động văn hóa, văn nghệ (cồng chiêng) tại phường Kon Tum, thời gian từ ngày 19/11 đến ngày 23/11/2026: **67.300.000 đồng** (Phụ lục II).

Phòng Kinh tế đã đối chiếu số liệu giữa Tờ trình, Biên bản và các Phụ lục: số liệu thống nhất, các phép tính số lượng × đơn giá và số tổng cộng chính xác.

II. VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH CHẤT PHÁT SINH MỚI TRONG NĂM

1. Cả 02 nhiệm vụ đều phát sinh từ chỉ đạo, kế hoạch của cấp có thẩm quyền ban hành trong tháng 10 và tháng 11 năm 2026 (Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 23/10/2026; Công văn số 4985/SVHTTDL-QLVH ngày 05/11/2026; Công văn số 3119/UBND-VHXH ngày 06/11/2026; Kế hoạch liên tịch số 01/KHLN-MTTQ-UBND ngày 09/11/2026), tức là sau thời điểm Ủy ban nhân dân xã giao dự toán ngân sách năm 2026 tại Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 25/12/2025. Do đó, tại thời điểm xây dựng và giao dự toán đầu năm, các nhiệm vụ này chưa

được xác định và chưa được bố trí kinh phí. Đây là nhiệm vụ phát sinh vì lý do khách quan, không phải do đơn vị chậm lập dự toán.

2. Các nhiệm vụ có thời gian thực hiện cụ thể, cận kề (Đoàn tham gia tại phường Kon Tum bắt đầu từ ngày 19/11/2026; Ngày hội tại thôn Kon Gô tổ chức theo thời gian tại Kế hoạch liên tịch số 01/KHLN-MTTQ-UBND), không thể lùi sang năm ngân sách sau; nếu không bố trí kinh phí kịp thời sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị do tỉnh và xã giao.

3. Việc tổ chức Ngày hội và tham gia các hoạt động văn hóa cấp tỉnh có ý nghĩa thiết thực trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo tồn và phát huy không gian văn hóa cồng chiêng, bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã.

4. Đối chiếu khoản 4 Điều 3 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP: *"Nhiệm vụ cần thiết khác là nhiệm vụ phát sinh cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách theo… quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách địa phương)"*, các nội dung đề xuất đáp ứng tiêu chí nhiệm vụ phát sinh cần thực hiện ngay trong năm ngân sách.

Phòng Kinh tế **thống nhất về sự cần thiết** của 02 nhiệm vụ. Theo khoản 1 Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã chịu trách nhiệm về việc xác định sự cần thiết, quy mô, nội dung và dự kiến kinh phí; chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ đề xuất.

III. VỀ TÍNH CHẤT CÁC KHOẢN CHI, CĂN CỨ ÁP DỤNG VÀ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

1. Phân loại các khoản chi (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này)

Các khoản chi đề xuất không thuần nhất về tính chất, do đó cần xác định đúng căn cứ áp dụng cho từng nhóm:

a) **Thuê hàng hóa, dịch vụ** (khoản 3 Điều 3 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP): thuê rạp, bàn ghế; âm thanh, ánh sáng, màn hình; thuê cồng chiêng, trang phục (Phụ lục I, mục 4, 5, 6, 7: 31.200.000 đồng) và thuê trang phục, công cụ dụng cụ biểu diễn, thuê người đánh đàn Tơ Rưng (Phụ lục II, mục 1, 2, 3: 29.150.000 đồng). Cộng: **60.350.000 đồng**. Nhóm này lập dự toán theo Điều 17, phân bổ, quản lý, sử dụng theo Điều 18, quyết toán theo Điều 19 (dẫn chiếu tại Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP). Do chưa có tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với các hàng hóa, dịch vụ thuê này, theo đoạn 2 khoản 4 Điều 27, cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình thực tế để xem xét, quyết định, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) **Chi in ấn, trang trí, tuyên truyền phục vụ sự kiện** (hàng hóa, dịch vụ tiêu hao, không hình thành tài sản, trang thiết bị): làm khung, in ma két, pano, hoa, cờ dây (Phụ lục I, mục 1, 2, 3, 8, 9): **28.280.000 đồng**. Nhóm này không phải là nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, mà là nội dung chi để thực hiện nhiệm vụ cần thiết khác; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước (Điều 28 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP).

c) **Thuê xe đưa đón đoàn** (Phụ lục II, mục 4): **17.000.000 đồng**. Theo điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, nhiệm vụ thuê dịch vụ xe ô tô *không thuộc phạm vi điều chỉnh* của Nghị định này mà thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (quy định về tiêu chuẩn, định mức, thuê dịch vụ xe ô tô), ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Khoản chi này vẫn được tổng hợp trong dự kiến kinh phí của nhiệm vụ để bố trí ngân sách, nhưng Trung tâm phải thực hiện thủ tục thuê xe theo đúng quy định chuyên ngành nêu trên.

d) **Chế độ công tác phí** (phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ – Phụ lục II, mục 5, 6): **21.150.000 đồng**. Đây là chế độ chi cho người được cử đi công tác, không phải nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ; đối tượng, mức chi, hình thức thanh toán thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí hiện hành và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (đơn vị mới ghi chú "NQ 15", đề nghị ghi đầy đủ số, ngày, cơ quan ban hành Nghị quyết làm căn cứ).

(Kiểm tra: 60.350.000 + 28.280.000 + 17.000.000 + 21.150.000 = 126.780.000 đồng, khớp tổng đề xuất.)

2. Về thẩm quyền phê duyệt

- Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý; khoản 1 Điều 27 quy định việc lập dự toán nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo Điều 17.

- Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND quy định: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu… quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp xã."*

- Đối với phần nhiệm vụ cần thiết khác phát sinh trong năm sử dụng ngân sách địa phương, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP xác định nhiệm vụ được thực hiện theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã là cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã; nguồn kinh phí là ngân sách xã. Do đó, việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí của 02 nhiệm vụ **thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Rve**.

3. Về thời điểm phê duyệt đối với nhiệm vụ phát sinh

Điều 5 Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND quy định việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí trước thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm; đây là quy định áp dụng cho chu kỳ dự toán thông thường. Đối với nhu cầu phát sinh vì lý do khách quan chưa được tổng hợp tại thời điểm xây dựng dự toán, điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP (áp dụng cho nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ theo khoản 2 Điều 27) cho phép đơn vị dự toán chủ động sắp xếp trong dự toán được giao; trường hợp không thể sắp xếp thì *căn cứ quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí của cấp có thẩm quyền*, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung kinh phí. Như vậy, việc trình phê duyệt chủ trương tại thời điểm này là phù hợp và là điều kiện bắt buộc trước khi bố trí, giao dự toán và triển khai thực hiện.

4. Về tên gọi nội dung trình

Tờ trình đề nghị "phê duyệt dự toán kinh phí". Theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, bước này là **phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí**; dự toán chi tiết do đơn vị được giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện trên cơ sở khảo sát giá và tổ chức thực hiện trong phạm vi dự kiến kinh phí được duyệt. Đề nghị Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sử dụng đúng tên gọi này (Phòng Kinh tế dự thảo kèm theo theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 104/2026/NĐ-CP).

IV. VỀ DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ LÀM RÕ, HOÀN THIỆN

1. Cột "Định mức" tại các Phụ lục thực chất là **đơn giá dự kiến** do đơn vị tự xác định, không phải định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Hồ sơ chưa kèm theo báo giá, kết quả khảo sát giá hoặc tài liệu làm cơ sở xác định giá, nên Phòng Kinh tế chưa có cơ sở xác nhận tính hợp lý của từng đơn giá. Vì vậy, số kinh phí đề xuất được hiểu là **mức tối đa dự kiến**; giá thuê, giá mua thực tế phải được Trung tâm xác định qua khảo sát, so sánh giá thị trường tại thời điểm thực hiện và không vượt mức được phê duyệt.

2. Một số nội dung đề nghị đơn vị giải trình, rà soát để bảo đảm tiết kiệm:

a) Cùng nội dung thuê trang phục biểu diễn cồng chiêng nhưng đơn giá tại Phụ lục II (650.000 đồng/bộ, 31 bộ) cao gấp 3,25 lần Phụ lục I (200.000 đồng/bộ, 26 bộ). Đề nghị giải trình lý do chênh lệch (yêu cầu chất lượng trang phục của cấp tỉnh, số ngày thuê…).

b) Thuê cồng chiêng (Phụ lục I, mục 6) và thuê công cụ, dụng cụ biểu diễn như nia, đàn, chuỗi, cườm, gùi (Phụ lục II, mục 2): đề nghị rà soát tài sản, nhạc cụ, trang phục hiện có của các thôn, nhà rông, nghệ nhân và của xã để ưu tiên huy động, sử dụng; chỉ thuê phần còn thiếu.

c) Ma két tuyên truyền tại 09 trục đường và cờ dây cho 09 thôn (Phụ lục I, mục 3, 9) trong khi Ngày hội tổ chức tại điểm thôn Kon Gô: đề nghị làm rõ phạm vi tuyên truyền (theo Kế hoạch số 349/KH-UBND trên toàn xã) để xác định số lượng hợp lý; thiết kế nội dung ma két, khung (mục 1) theo hướng có thể tái sử dụng cho các sự kiện sau.

d) Đối với Đoàn tham gia tại phường Kon Tum (Phụ lục II, mục 4, 5, 6): đề nghị (i) đối chiếu lịch trình 05 ngày, 04 đêm với văn bản triệu tập của tỉnh; (ii) lập danh sách 09 người hưởng công tác phí, làm rõ đối tượng (cán bộ, công chức, viên chức được cử đi công tác hoặc người được mời tham gia đúng quy định); (iii) làm rõ tổng số thành viên đoàn (Phụ lục II thuê 31 bộ trang phục) và phương án đi lại, ăn nghỉ của các thành viên còn lại; (iv) trường hợp Ban Tổ chức cấp tỉnh đã bảo đảm phương tiện, chỗ ở hoặc hỗ trợ chi phí thì không chi trùng. Tiền thuê phòng nghỉ thanh toán theo hình thức khoán hoặc theo hóa đơn thực tế, không vượt mức tối đa theo quy định.

đ) Thuê người đánh đàn Tơ Rưng (Phụ lục II, mục 3): thực hiện bằng hợp đồng với cá nhân, có chứng từ chi trả và khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu thuộc diện) theo quy định.

3. Về hình thức hồ sơ, đề nghị Phòng Văn hóa - Xã hội hoàn thiện để lưu trữ: phần căn cứ Tờ trình "Trên cơ sở Biên bản làm việc… về …" còn bỏ trống nội dung; mục 3 phần II Tờ trình có cụm từ chưa rõ nghĩa ("triển khai cho đồng book"); Phụ lục ghi "kèm theo Tờ trình số /TTr-VHXH" chưa điền số, trong khi bản Phụ lục có dấu ghi "kèm theo Biên bản số 01/BB-VHXH-TTCUDVCI"; tên Phụ lục I ("Ngày văn hóa điểm") chưa thống nhất với tên nhiệm vụ; một số lỗi chính tả ("Số lương", "ngàn đồng").

V. VỀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Thống nhất với đề xuất tại Biên bản số 01/BB-VHXH-TTCUDVCI: giao **Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã** là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện, được giao dự toán và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí; **Phòng Văn hóa - Xã hội** chủ trì về nội dung chuyên môn, chương trình, thành phần Đoàn, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, theo dõi, giám sát và xác nhận kết quả thực hiện.

2. Nguồn kinh phí: Qua rà soát, dự toán chi sự nghiệp văn hóa - thông tin năm 2026 giao tại Quyết định số 142/QĐ-UBND không còn đủ để bố trí. Căn cứ khoản

2 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, đây là nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã mà chưa được dự toán. Phòng Kinh tế đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2026 với **số tiền 126.780.000 đồng**[1].

VI. Ý KIẾN CỦA PHÒNG KINH TẾ

1. Phòng Kinh tế **thống nhất về sự cần thiết** và **thống nhất tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí** thực hiện 02 nhiệm vụ với tổng mức tối đa **126.780.000 đồng**, trong đó: Ngày hội tại điểm thôn Kon Gô: 59.480.000 đồng; Đoàn tham gia tại phường Kon Tum: 67.300.000 đồng; giao Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã tổ chức thực hiện (có dự thảo Quyết định kèm theo).

2. Trước và trong quá trình thực hiện, đề nghị **Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã**:

- Khảo sát, thu thập báo giá; lập, phê duyệt dự toán chi tiết theo thẩm quyền, không vượt dự kiến kinh phí được duyệt; tiếp thu các nội dung tại mục IV Công văn này;

- Lựa chọn nhà cung cấp theo đúng pháp luật về đấu thầu; không chia nhỏ nội dung để tránh áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định; việc thuê xe thực hiện theo quy định về thuê dịch vụ xe ô tô; chi công tác phí đúng đối tượng, đúng mức;

- Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý; bảo đảm hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ; thanh toán qua Kho bạc Nhà nước; quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và Nghị định số 104/2026/NĐ-CP;

- Không chi trùng với kinh phí do cấp tỉnh hoặc nguồn khác đã bảo đảm; kinh phí không sử dụng hết hoặc tiết kiệm được không tự ý chuyển sang nội dung khác, xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội).

3. Đề nghị **Phòng Văn hóa - Xã hội** hoàn thiện hồ sơ theo mục IV; chịu trách nhiệm về sự cần thiết, quy mô, số lượng, thành phần tham gia; phối hợp giám sát và xác nhận khối lượng, kết quả thực hiện làm cơ sở thanh toán.

---

[1] Dự phòng ngân sách xã năm 2026 được giao 2.015 triệu đồng, đã sử dụng (cho Ngân hàng chính sách Kon Rẫy để thực hiện ủy thác số tiền 300 triệu đồng; đối ứng CTMTQG: 393 triệu đồng, bổ sung chi thường xuyên: 87,7 triệu đồng, tổng cộng đã xuất 780,7 triệu đồng), dự kiến xuất cho các nội dung đã được TTĐU cho chủ trương (bầu cử Trưởng thôn: 29,373 triệu đồng, mua KIOS AI: 125 triệu đồng, mua hệ thống ATTT: 271,61388 triệu đồng; Mua thiết bị phòng chống bão lụt: 95 triệu đồng, tổng dự kiến: 520,98688 triệu đồng. Dự phòng còn lại 713,31312 triệu đồng. Sau khi bố trí, số còn lại 713,31312 triệu đồng vẫn bảo đảm nguồn cho nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong những tháng cuối năm. Việc sử dụng dự phòng được báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất theo quy định

4. **Về trách nhiệm:** Ý kiến của Phòng Kinh tế là ý kiến của cơ quan tài chính trong phạm vi tổng hợp, rà soát hồ sơ theo đoạn 2 khoản 1 Điều 4 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và chỉ trên cơ sở hồ sơ do đơn vị cung cấp; không phải là thẩm định giá, không xác nhận tính phù hợp của đơn giá, giá mua, giá thuê thực tế. Việc Phòng Kinh tế cho ý kiến thống nhất và tham mưu phê duyệt **không làm thay đổi, không thay thế trách nhiệm** của Phòng Văn hóa - Xã hội (đơn vị đề xuất) và Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã (đơn vị được giao kinh phí) theo khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 4; điểm c khoản 1 Điều 17; điểm b khoản 2 Điều 18 và khoản 4 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về việc thực hiện đầy đủ các thủ tục lựa chọn nhà cung cấp, hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán, giải ngân và quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

5. Do thời gian thực hiện gấp (Đoàn bắt đầu tham gia từ ngày 19/11/2026), kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sớm xem xét, quyết định. Các khoản chi chỉ được thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt chủ trương và quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền.

Phòng Kinh tế kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Chủ tịch UBND xã (phụ trách lĩnh vực);
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Trung tâm Cung ứng DVCI xã;
- Lưu: VT, PKT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.ĐẮK RVE - T.QUẢNG NGÃI

Nguyễn Trọng Phấn

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP RÀ SOÁT TÍNH CHẤT KHOẢN CHI, CĂN CỨ ÁP DỤNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ

(Kèm theo Công văn số /CV-PKT ngày /11/2026 của Phòng Kinh tế xã Đăk Rve)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi (theo đề xuất)	Kinh phí đề xuất	Tính chất khoản chi	Căn cứ áp dụng	Ý kiến rà soát của Phòng Kinh tế
A	**NGÀY HỘI TẠI ĐIỂM THÔN KON GÔ (Phụ lục I)**	**59.480.000**			
1	Làm khung, in ấn ma két lớn (1 gói)	8.000.000	In ấn, tuyên truyền	K4 Đ3, Đ28 NĐ 104; Luật NSNN	Thiết kế khung có thể tái sử dụng; khảo sát báo giá
2	Ma két tuyên truyền tại nhà rông, 1 mặt (6 cái × 600.000)	3.600.000	In ấn, tuyên truyền	K4 Đ3, Đ28 NĐ 104	Khảo sát báo giá
3	Ma két treo trục đường chính, 2 mặt (9 × 1.100.000)	9.900.000	In ấn, tuyên truyền	K4 Đ3, Đ28 NĐ 104	Làm rõ phạm vi 9 vị trí (KH 349 toàn xã)
4	Thuê rạp, bàn ghế đại biểu, khách mời (1 gói)	15.000.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	Nêu quy mô (diện tích rạp, số ghế) trong dự toán chi tiết
5	Thuê âm thanh, ánh sáng, loa đài, màn hình (1 gói)	8.000.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	Khảo sát báo giá
6	Thuê cồng chiêng (2 bộ × 1.500.000)	3.000.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	Ưu tiên huy động cồng chiêng sẵn có của thôn
7	Thuê trang phục biểu diễn (26 bộ × 200.000)	5.200.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	So sánh với đơn giá Phụ lục II
8	Hoa trang trí (6 lẵng × 500.000)	3.000.000	Trang trí sự kiện	K4 Đ3, Đ28 NĐ 104	Phù hợp
9	Cờ dây trang trí (54 dây × 70.000)	3.780.000	Trang trí sự kiện	K4 Đ3, Đ28 NĐ 104	Làm rõ 9 thôn × 6 dây
B	**ĐOÀN THAM GIA TẠI PHƯỜNG KON TUM (Phụ lục II)**	**67.300.000**			
1	Thuê trang phục biểu diễn cồng chiêng (31 bộ × 650.000)	20.150.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	Giải trình đơn giá gấp 3,25 lần PL I
2	Thuê công cụ, dụng cụ biểu diễn (4 bộ × 1.500.000)	6.000.000	Thuê HH, DV	Đ27, Đ17 NĐ 104; K2 Đ2 QĐ 116	Ưu tiên tài sản sẵn có của thôn, nghệ nhân

STT	Nội dung chi (theo đề xuất)	Kinh phí đề xuất	Tính chất khoản chi	Căn cứ áp dụng	Ý kiến rà soát của Phòng Kinh tế
3	Thuê người đánh đàn Tơ Rưng (3 ngày × 1.000.000)	3.000.000	Thuê dịch vụ (cá nhân)	Đ27 NĐ 104; pháp luật thuế TNCN	Hợp đồng cá nhân; khấu trừ thuế (nếu có)
4	Thuê xe đưa đón đoàn 19–23/11 (5 ngày × 3.400.000)	17.000.000	Thuê dịch vụ xe ô tô	Điểm d K2 Đ1 NĐ 104 (ngoài phạm vi); pháp luật QLSD tài sản công	Thực hiện theo quy định thuê xe ô tô; không chi trùng nếu tỉnh bố trí
5	Phụ cấp lưu trú (9 người × 5 ngày × 150.000)	6.750.000	Chế độ công tác phí	Chế độ công tác phí; NQ HĐND tỉnh ("NQ 15")	Lập danh sách, xác định đúng đối tượng
6	Tiền thuê phòng nghỉ (9 người × 4 đêm × 400.000)	14.400.000	Chế độ công tác phí	Chế độ công tác phí; NQ HĐND tỉnh	Khoán hoặc theo hóa đơn; không vượt mức tối đa
	TỔNG CỘNG (A + B)	**126.780.000**			

Tổng hợp theo tính chất khoản chi:

STT	Nhóm khoản chi	Kinh phí	Thẩm quyền / cách thức thực hiện
1	Thuê hàng hóa, dịch vụ (A4–A7; B1–B3)	60.350.000	Chủ tịch UBND xã phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí (K2 Đ2 QĐ 116)
2	In ấn, trang trí, tuyên truyền (A1–A3; A8–A9)	28.280.000	Nhiệm vụ cần thiết khác – Chủ tịch UBND xã phê duyệt (K4 Đ3 NĐ 104)
3	Thuê dịch vụ xe ô tô (B4)	17.000.000	Ngoài phạm vi NĐ 104; bố trí trong dự toán, thực hiện theo pháp luật tài sản công
4	Chế độ công tác phí (B5–B6)	21.150.000	Chế độ chi theo quy định; bố trí trong dự toán
	Cộng	**126.780.000**	

Ghi chú: Kinh phí nêu trên là mức tối đa dự kiến do đơn vị đề xuất; đơn giá thực tế do Trung tâm Cung ứng dịch vụ công ích xã xác định trên cơ sở khảo sát giá thị trường và chịu trách nhiệm theo quy định. Viết tắt: NĐ 104 – Nghị định số 104/2026/NĐ-CP; QĐ 116 – Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND; Đ – Điều; K – khoản; HH, DV – hàng hóa, dịch vụ.